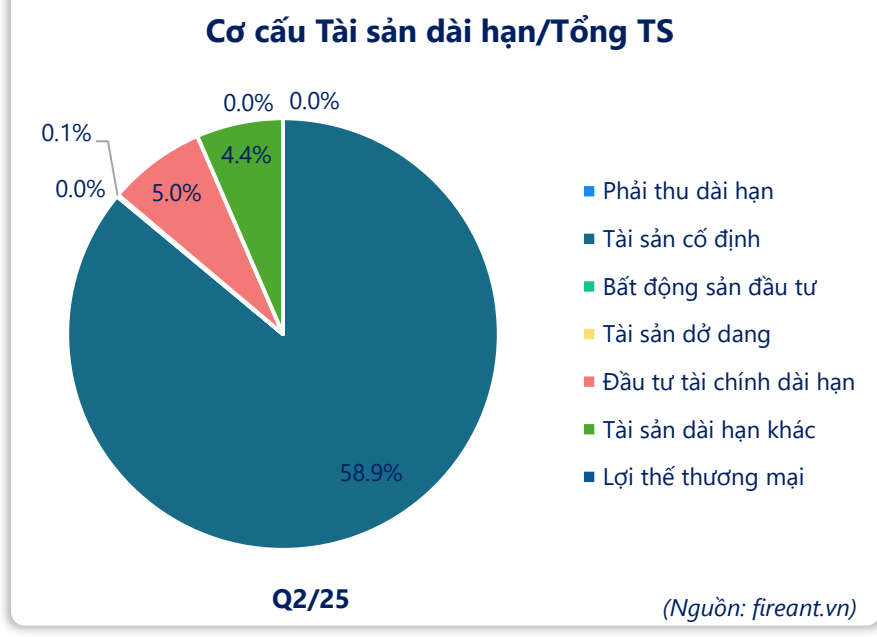
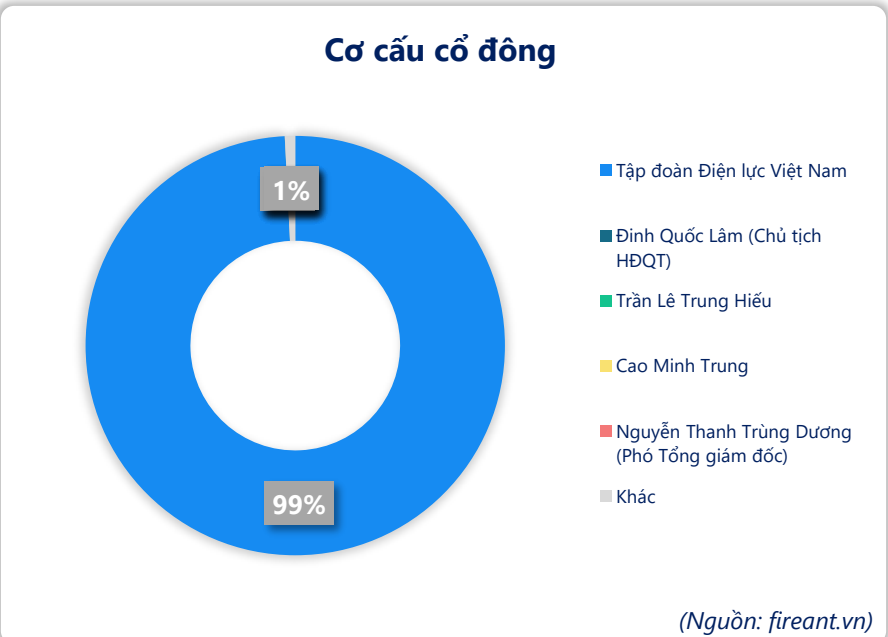
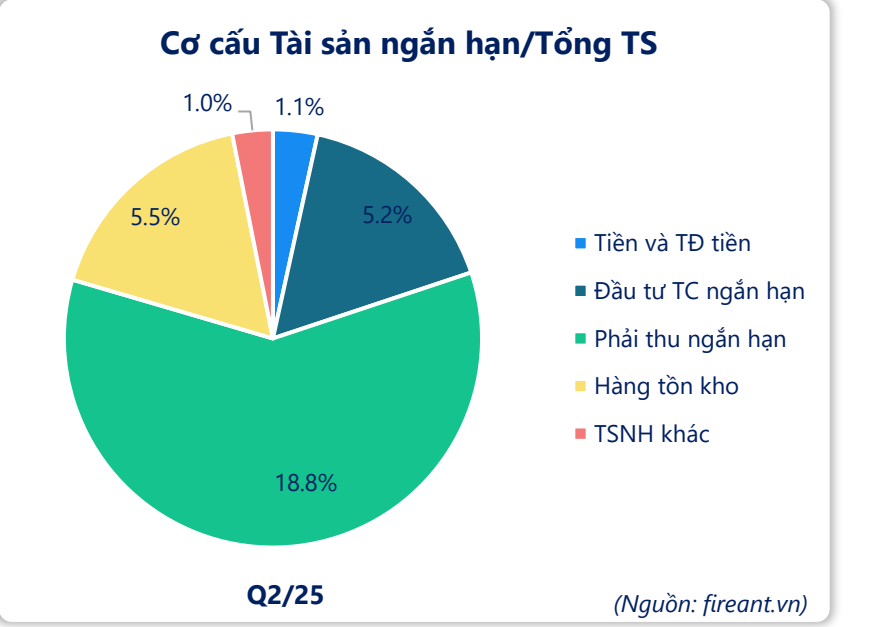
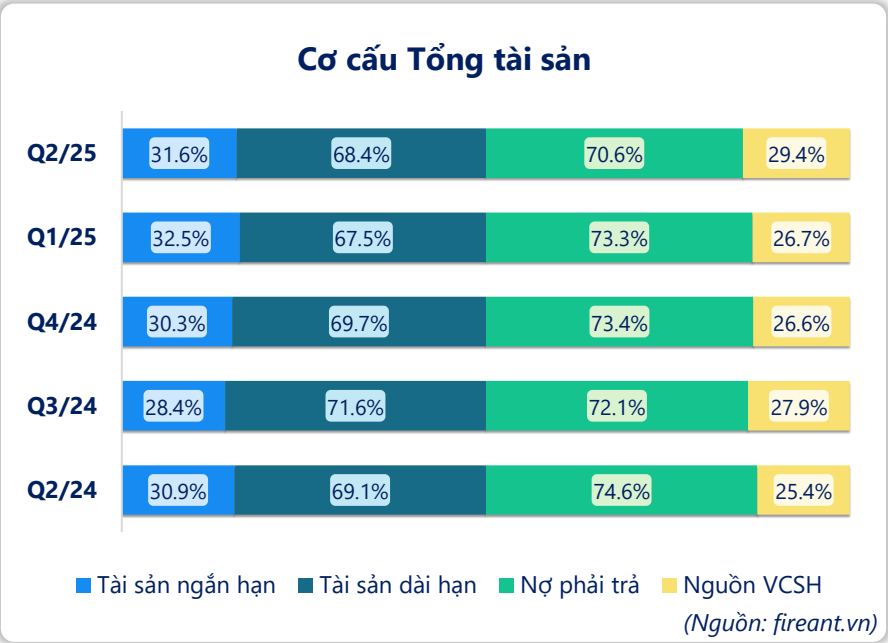
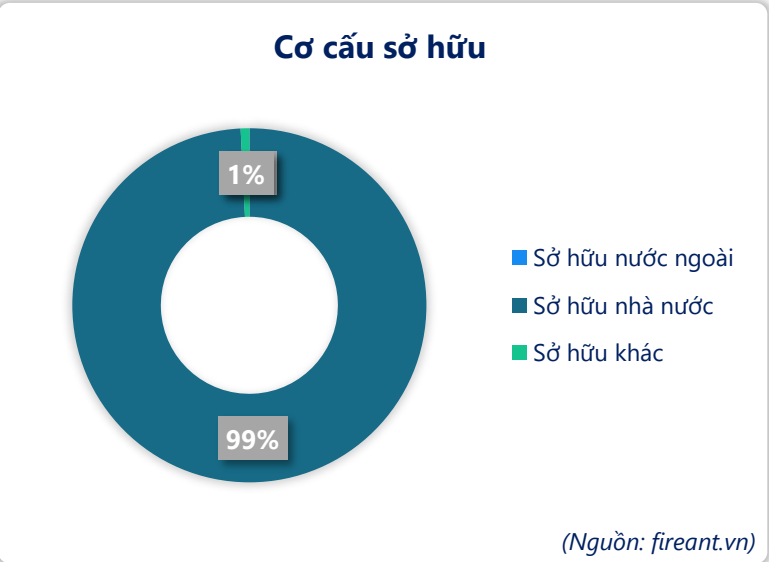
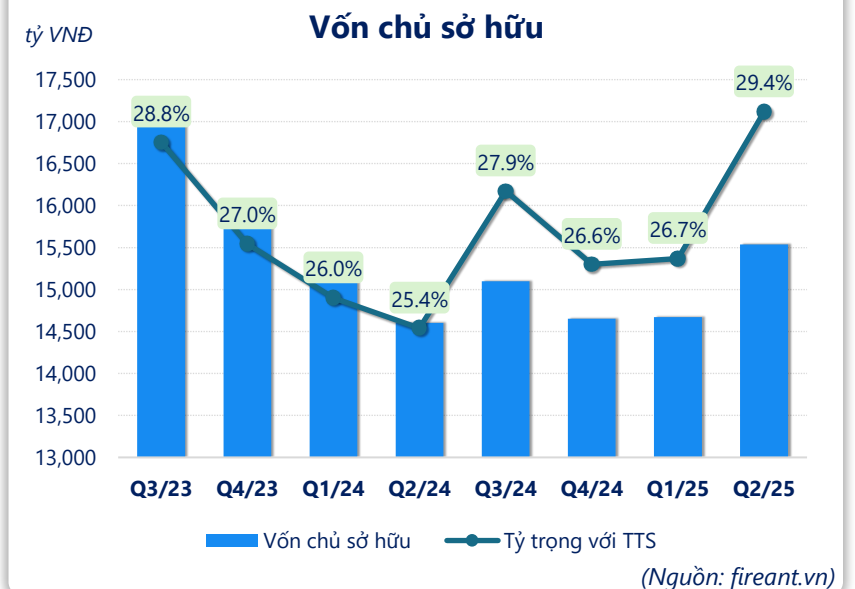
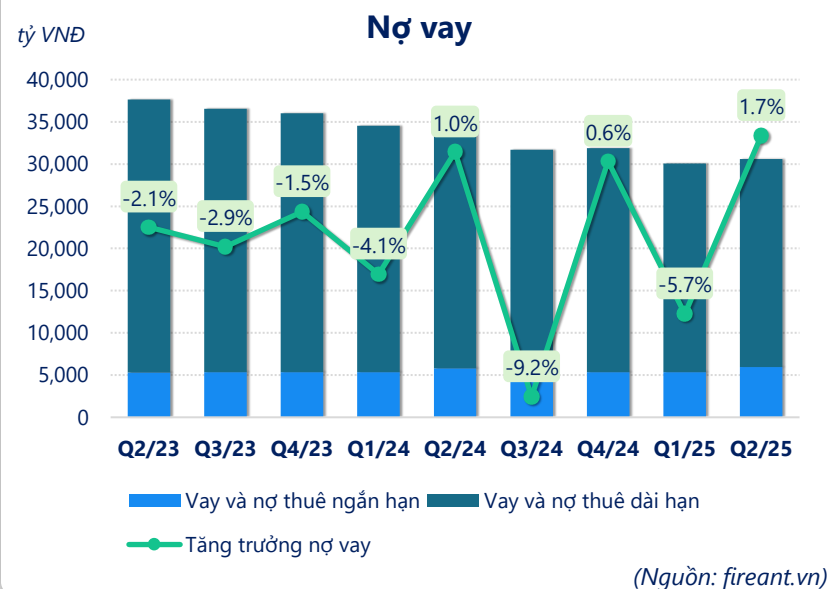
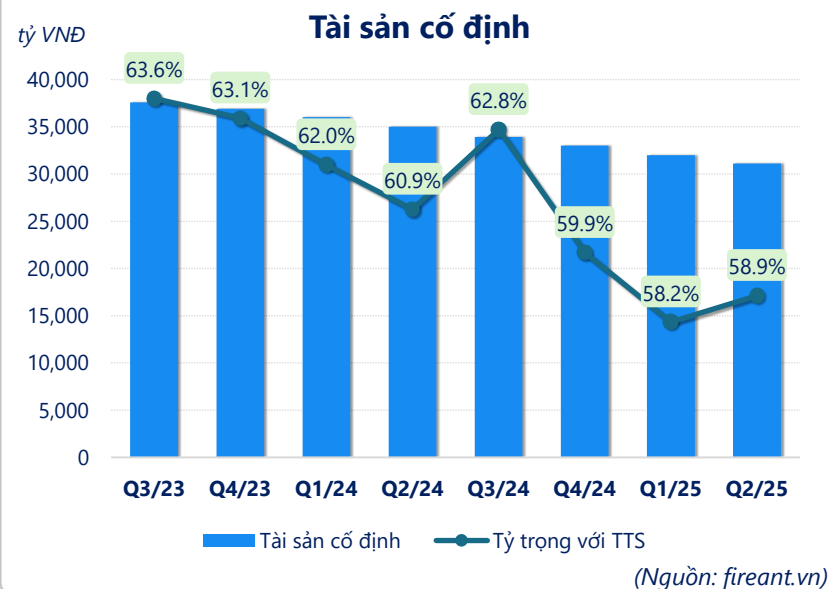
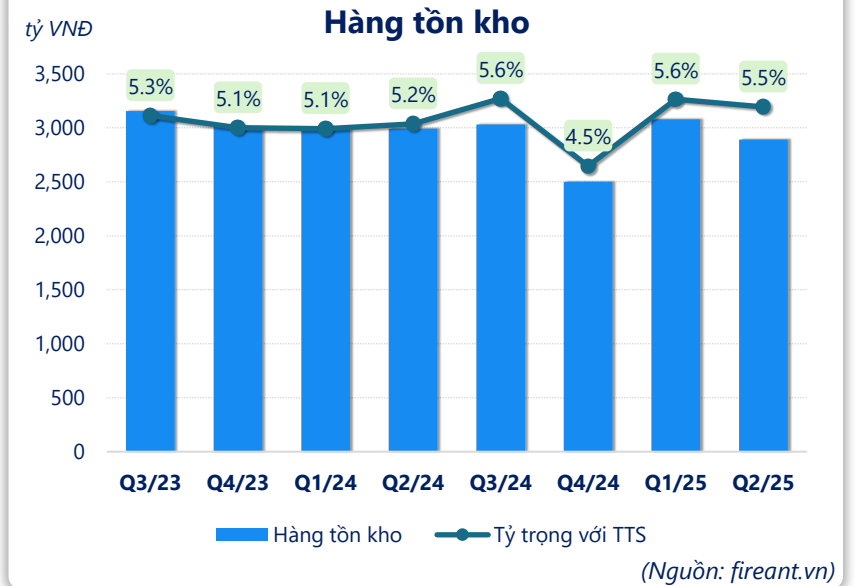
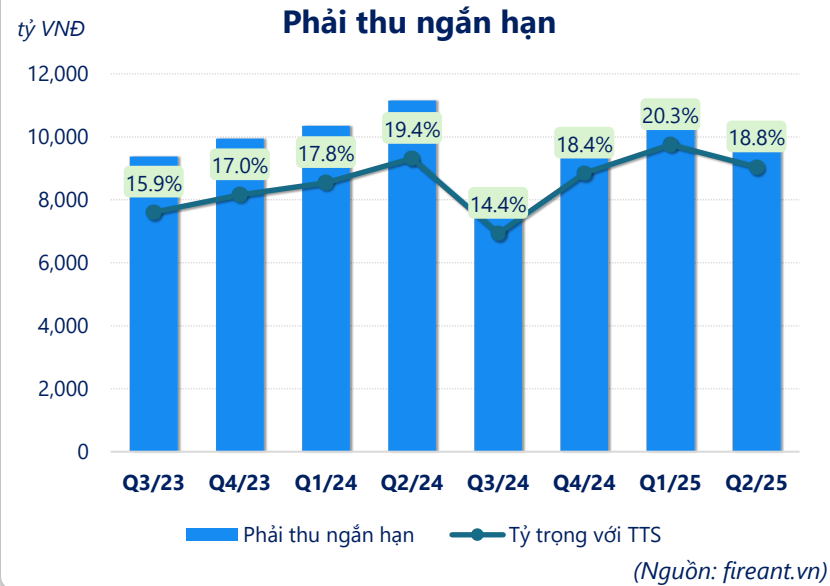
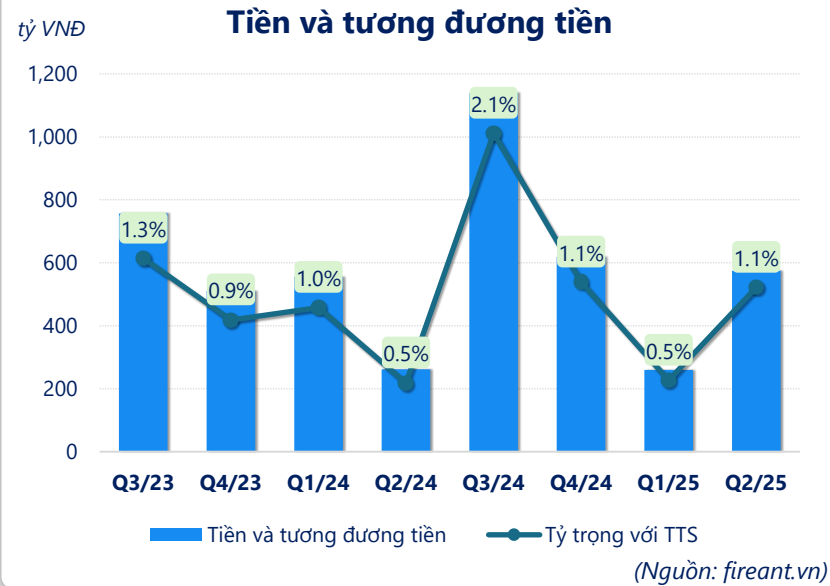
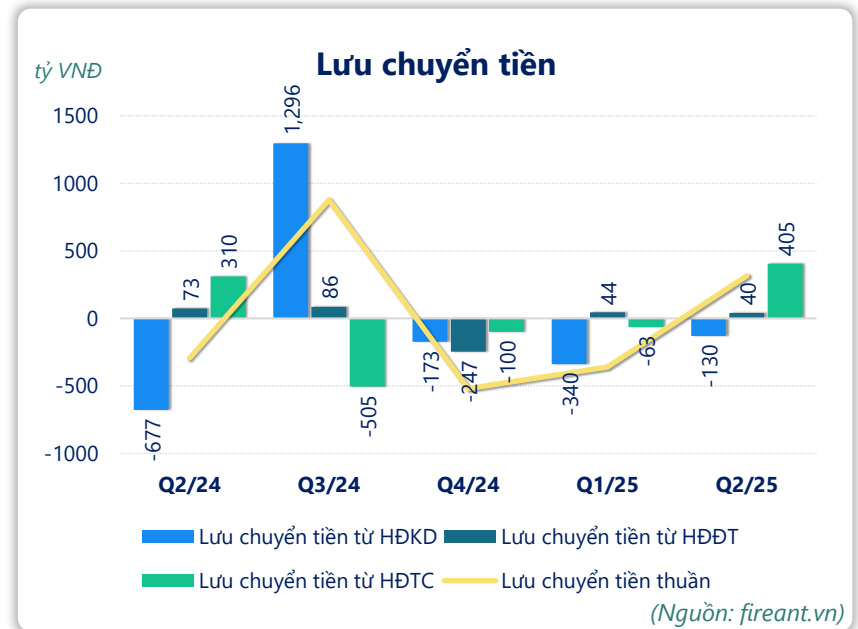
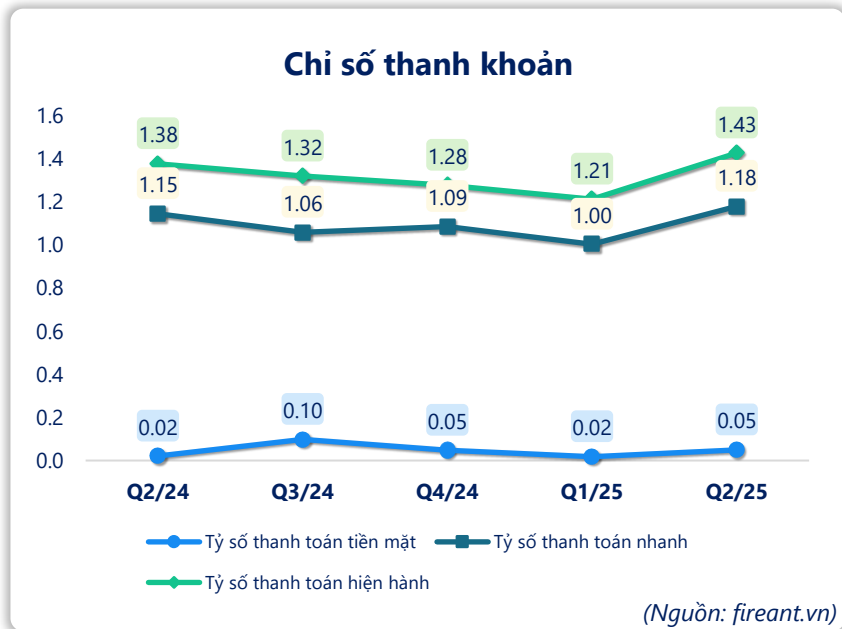
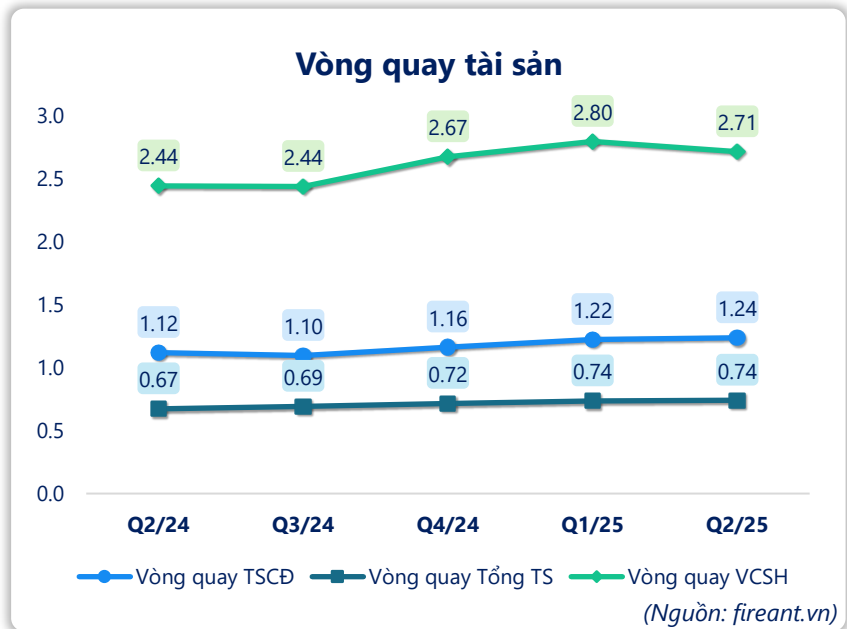
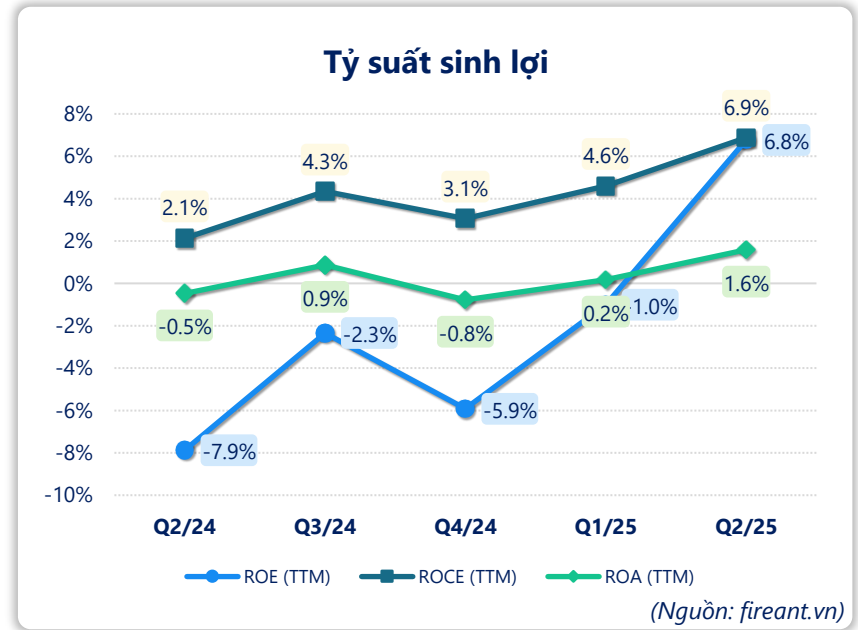
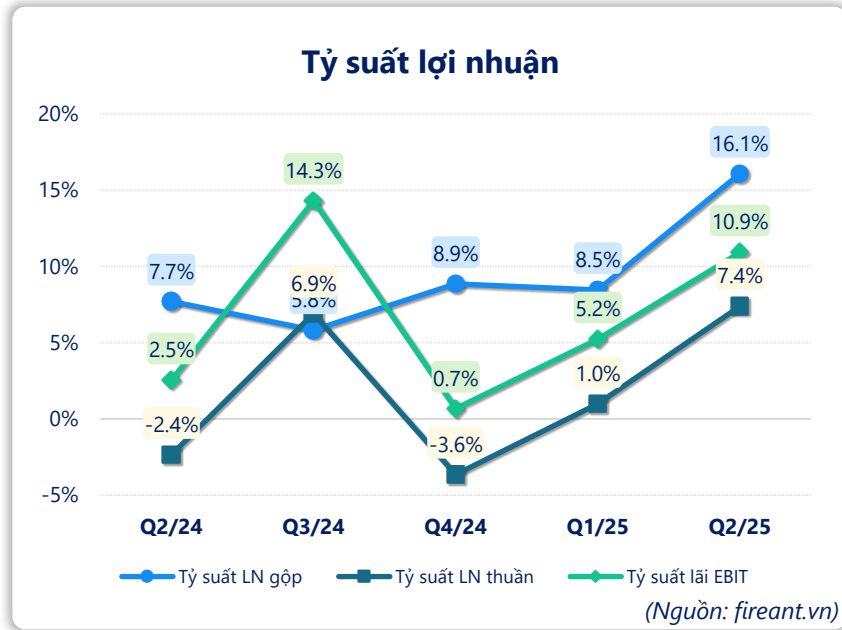
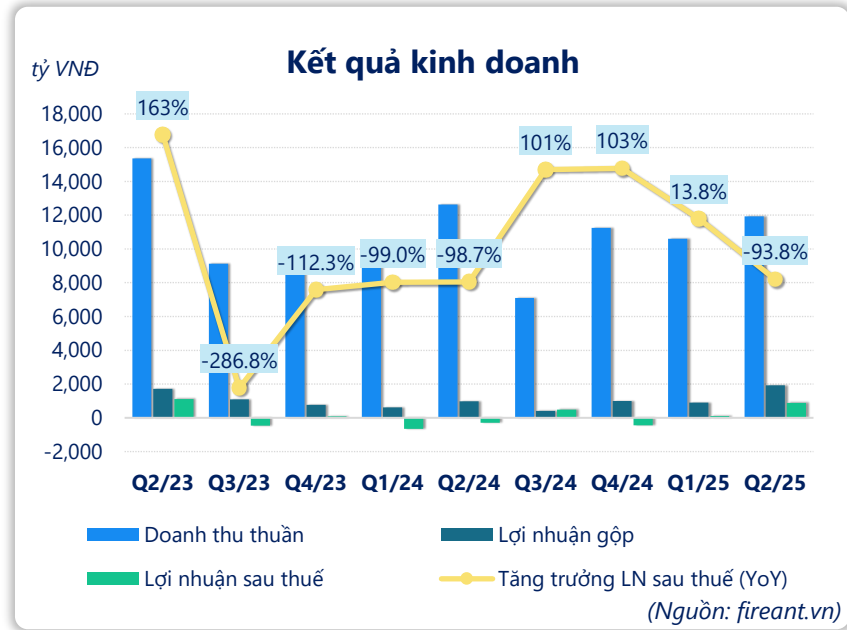


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,200
SL cổ phiếu LH		1,123,468,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,650
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		21,234
P/E		20.8
EPS		908

	YTD	1T	3T	6T
PGV	-6.7%	-0.8%	-4.3%	-2.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	52,848	55,267	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	16,692	16,821	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	575	619	-7.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,745	2,880	-4.7%
Phải thu ngắn hạn	9,957	10,331	-3.6%
Hàng tồn kho	2,893	2,454	17.9%
Tài sản ngắn hạn khác	523	537	-2.7%
Tài sản dài hạn	36,156	38,446	-6.0%
Phải thu dài hạn	0.40	3.66	-89.1%
Tài sản cố định	31,104	33,015	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	48.1	613	-92.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,654	2,547	4.2%
Tài sản dài hạn khác	2,349	2,268	3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37,310	40,697	-8.3%
Nợ ngắn hạn	11,696	13,814	-15.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,938	5,885	0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,994	5,610	-28.8%
Nợ dài hạn	25,614	26,883	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	24,638	26,010	-5.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,538	14,570	6.6%
Vốn chủ sở hữu	15,538	14,570	6.6%
Vốn điều lệ	11,235	11,235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	12,633	7,104	11,254	10,608	11,931
Giá vốn hàng bán	11,661	6,690	10,258	9,711	10,012
Lợi nhuận gộp	972	414	996	897	1,919
Doanh thu HĐTC	27.9	74.2	39.3	49.4	31.3
Chi phí TC	1,204	-146	1,307	723	1,063
Chi phí lãi vay	612	528	514	451	425
LN trong công ty LKLD	43.7	0	164	0	165
Chi phí bán hàng	0.05	0.04	0.03	0.02	0.03
Chi phí QLDN	138	144	303	120	171
LN thuần từ HĐKD	-298	491	-410	104	881
Lợi nhuận khác	5.73	-2.28	-27.7	-1.24	-3.84
LN trước thuế	-292	488	-438	103	878
Lợi nhuận sau thuế	-294	487	-439	101	877
LNST của CĐ cty mẹ	-295	491	-442	96.3	875

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-677	1,296	-173	-340	-130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	73.1	85.9	-247	44.2	40.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	310	-505	-100	-63.3	405
Tiền đầu kỳ	555	261	1,139	619	260
Lưu chuyển tiền thuần	-293	877	-520	-359	315
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	261	1,139	619	260	575

(Nguồn: fireant.vn)